

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23/10/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Kim Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mua

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long: **Không** tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2018/TLST-HNGN, ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:103/2018/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018.

Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp V, xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt

Bị đơn: Anh Lê Bửu T1, sinh năm 1979; HKTT: Ấp T2, xã T3, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long – Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị L trình bày:

Chị L và anh T1 kết hôn vào năm 2006, hôn nhân do quen biết, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng sống

hạnh phúc với nhau được khoảng 05 năm thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ năm 2016 cho đến nay không về đoàn tụ được.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên uống rượu không quan tâm đời sống vợ con, đi làm thì đi sớm về khuya nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Đến đầu năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cự cãi với nhau thì anh T1 về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh T1 ít khi về thăm con, vợ chồng có liên lạc qua điện thoại và gặp nhau được một lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng chị L dành cho anh T1 không còn nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/10/2008. Hiện đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu H có bản tự khai thể hiện nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ là chị Mỹ L.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không có nợ ai và không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Bữu T1; Về con chung: Chị L yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/10/2008, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Lê Bữu T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như ngày mở phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do đồng thời không có văn bản ý kiến gì phản bác hay yêu cầu phản tố gì khác đối với yêu cầu của chị L.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có yêu cầu gì thêm và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn anh Lê Bữu T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về ngày xét xử vụ án cho anh T1 đúng theo quy định pháp luật nhưng anh T1 không đến và vắng mặt nhiều lần không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị L yêu cầu ly hôn với anh Lê Bữu T1; Về con chung: Chị L yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/10/2008, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh Lê Bữu T1 vắng mặt và không có văn bản ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

[2.1] Xét về hôn nhân: Chị L và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V1, huyện T, tỉnh Vĩnh Long là đúng theo quy định pháp luật. Nên việc chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T1 là có cơ sở xem xét.

Chị L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T1 thường xuyên uống rượu không quan tâm đời sống vợ con, đi làm thì đi sớm về khuya nên vợ chồng thường xuyên cự cãi làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Đến đầu năm 2016 vợ chồng cự cãi phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn thì anh T1 về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh T1 ít khi về thăm con, vợ chồng có liên lạc qua điện thoại và gặp nhau được một lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn nên ly thân cho đến nay. Chị L yêu cầu Tòa án nhân dân Tam Bình giải quyết ly hôn thì anh T1 có biết nhưng vẫn không chịu về gặp chị L giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn lại cùng lo cho con mà để chị L tự giải quyết. Hiện nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T1 không còn nữa và vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T1.

Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 đã được Tòa án thông báo việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về ngày xét xử vụ án hợp lệ đúng theo quy định nhưng anh T1 vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu của chị L thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay chị L đã xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh T1 không còn nữa. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

[2.2] Xét về con chung: Là Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/10/2008, hiện nay đang do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ yêu cầu nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng. Cháu H có nguyện vọng được sống với mẹ là chị L sau khi chị L và anh T1 ly hôn với nhau.

Xét yêu cầu nuôi con của của chị L là có cơ sở xem xét vì từ khi chị L và anh T1 ly thân đến nay cháu H do chị L chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị L. Tại phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của chị L nhưng anh T1 không cung cấp văn bản ý kiến, yêu cầu phản bác gì đối với yêu cầu này của chị L thì xem như đã tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ được pháp luật bảo vệ.

Từ những luận điểm trên hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L là phù hợp với nguyện vọng của cháu H và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là ưu tiên xem xét nguyện vọng của con khi con đủ 07 tuổi trở lên. Giao cháu Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/10/2008 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Về con riêng, con nuôi không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[2.3] Xét về tài sản chung: Do anh T1 vắng mặt, chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[2.4] Xét về nợ chung: Do anh T1 vắng mặt, chị L trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai và ngược lại không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0011090, ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị Mỹ L;

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Lê Bữu T1;

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Đức H, sinh ngày 26/10/2008 cho chị L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Về con riêng, con nuôi không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét.

Về cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh Lê Bữu T1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét về tài sản chung: Do anh T1 vắng mặt, chị L không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Xét về nợ chung: Do anh T1 vắng mặt, chị L trình bày trong thời gian sống chung vợ chồng không có nợ ai và ngược lại không có ai nợ vợ chồng và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí về việc yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0011090, ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh VL: 01
- VKS.ND huyện TB : 02
- THADS huyện TB: 01
- Nơi đăng ký kết hôn
- Dương sự
- Lưu: 03

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hồ Kim Liên